TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Công Hạnh
2. Ông Huỳnh Khắc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2022/ TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1980;
Địa chỉ: thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, năm 1984;
Địa chỉ: thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày được tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã B, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 18/02/2008. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn mà chơi cờ bạc, nhậu nhẹt, đánh chưởi chị. Chị cố gắng chịu đựng và khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Năm

2020, anh N bỏ đi làm ăn xa, không K lạc với gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phạm L, sinh ngày 24/5/2011 và Phạm H, sinh ngày 14/10/2015. Từ ngày anh N bỏ đi 02 con do chị nuôi dưỡng . Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng cho mỗi con 1.000.000đ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

- Bị đơn anh Phạm Văn N vắng mặt nên không trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: chị Lê Thị K được ly hôn anh Phạm Văn N; về con chung: giao 02 con chung tên Phạm L, sinh ngày 24/5/2011 và Phạm H, sinh ngày 14/10/2015 cho chị K nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng cho mỗi con 1.000.000đ; về tài sản chung: không giải quyết; về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Tuy Hoà theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 18/02/2008, là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày chị Lê Thị K, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N không lo làm ăn mà chơi cờ bạc, nhậu nhẹt và có hành vi bạo lực gia đình. Từ năm 2020, chị K và anh N không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần triệu tập anh Phạm Văn N để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh N không đến, điều này thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, mâu thuẫn giữa chị K và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc xin ly hôn anh N.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm L, sinh ngày 24/5/2011 và Phạm H, sinh ngày 14/10/2015. Từ ngày anh N bỏ đi, con chung do chị K nuôi dưỡng. Chị K làm công nhân, có thu nhập hàng tháng ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống của 02 con. Chị K xin nuôi dưỡng 02 con *(phù hợp nguyện vọng của 02 con)* nên để con phát triển tốt về thể chất, tinh thần chấp nhận yêu cầu của chị K giao 02 con chung L và M cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Chị K trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con là 1.000.000đ là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con 1.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ tháng 7/2023.

- Về tài sản chung: chị Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Nguyên đơn chị Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ. Anh Phạm Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng con chung là 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị K được ly hôn anh Phạm Văn N.

- Về con chung: giao 02 con chung tên Phạm L, sinh ngày 24/5/2011 và Phạm H, sinh ngày 14/10/2015 cho chị Lê Thị K nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng cho mỗi con 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 7/2023 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007620 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Anh Phạm Văn N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã B, thành phố T.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nghĩa Nguyễn Thị Thu Thảo Lê Xuân Thu